

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tích và ông Nguyễn Sao Hôm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 23/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2024 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXX-ST ngày 14/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 04/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đường Thị O, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Thôn Q, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Dương Văn L, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn Q, xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Đường Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn L kết hôn từ tháng 12 năm 1996 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L có con riêng, thường xuyên rượu chè bê tha, không có trách nhiệm, không chăm lo gia đình, vợ con; anh L còn thường xuyên chửi bới, đánh đập, xúc phạm danh dự nhân phẩm chị. Cuộc sống chung vợ chồng không ngày nào được bình yên, không biết đến niềm vui, hạnh phúc dù nhỏ nhất. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Dương Ngọc H, sinh năm 1997, đã trưởng thành, tự lập và Dương Ngọc H1, sinh ngày 26/10/2007.

Sau ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H1. Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H1 cùng cùng chị 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng kể từ tháng 3/2024 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18, tuổi chị đồng ý, hiện chị là Giáo viên, lương bình quân 10 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản tự khai, các Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải, anh Dương Văn L trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị O trình bày.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, anh thường uống rượu cùng bạn bè và những lần say rượu rồi to tiếng với vợ con. Anh xác định không muốn ly hôn, nhưng nếu chị O cương quyết xin ly hôn thì tùy chị O và anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Dương Ngọc H, sinh năm 1997, đã trưởng thành, tự lập và Dương Ngọc H1, sinh ngày 26/10/2007. Anh nhất trí để chị O được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H1 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị O 3.000.000 đồng/tháng kể từ 03/2024 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị O có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh L; chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Dương Ngọc H1 và chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H1 của anh L 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2024 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi; về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị O tự nguyện chịu cả án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L vắng mặt và không có ý kiến gì.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa tóm tắt nội dung vụ án và công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị O, xử cho

chị O được ly hôn anh L.

Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao cho chị O được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Dương Ngọc H1, sinh ngày 26/10/2007 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi; chấp nhận sự tự nguyện của anh L cấp dưỡng nuôi cháu H1 cùng chị O 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2024 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị O và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị O phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và chấp nhận sự tự nguyện của chị O về việc chịu cả án phí tiền cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

[1] *Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:* Chị Đường Thị O có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Dương Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đường Thị O và anh Dương Văn L kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị O với anh L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa chị O và anh L là do anh L rượu chè bê tha, thường xuyên chửi bới, xúc phạm danh dự nhân phẩm chị O. Cuộc sống chung vợ chồng anh chị không có hạnh phúc. Qua thông tin chính quyền địa phương cung cấp: Vợ chồng Oanh L có mâu thuẫn, xích mích, anh L có rượu chè, nhiều lúc to tiếng, âm ỉ trong nhà. Qua cháu Dương Ngọc H1 là con anh L chị O khai: Bố mẹ cháu có nhiều mâu thuẫn, bố ngày nào cũng uống rượu say, sau mỗi lần say rượu lại đánh chửi, xúc phạm nhân phẩm, danh dự mẹ, hai anh em cháu đã nhiều lần khuyên ngăn, động viên bố nhưng không có kết quả. Anh L cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, anh có uống rượu và to tiếng. Anh xác định không muốn ly hôn nhưng nếu chị O cương quyết xin ly hôn thì tùy chị O và anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nay chị O xét thấy không còn tình cảm với anh L, vợ chồng không thể đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cương quyết xin ly hôn anh L. Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị O và anh L đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị O, xử cho chị O được ly hôn anh L là phù

hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị O và anh L có hai con chung là Dương Ngọc H, sinh năm 1997, đã trưởng thành, tự lập và Dương Ngọc H1, sinh ngày 26/10/2007. Chị O xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H1, anh L nhất trí để chị O được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H1 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi và anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị O 3.000.000 đồng/tháng kể từ 03/2024 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi. Cháu H1 có lời khai xin được ở cùng chị O.

Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, để đảm bảo sự ổn định cho việc chăm sóc nuôi dưỡng và ổn định tâm lý cháu H1, cần thiết giao cho chị O được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H1 là phù hợp ý nguyện của cháu H1, phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế của anh L và chị O. Anh L cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị O 3.000.000đồng/tháng kể từ tháng 3/2024 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi, là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị O và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau này các đương sự nếu có yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị O có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn anh L và chị tự nguyện chịu cả án phí tiền cấp dưỡng nuôi con nên chị phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đường Thị O được ly hôn anh Dương Văn L.

3/ Về con chung: Giao cho chị O được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Dương Ngọc H1, sinh ngày 26/10/2007 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh L về việc cấp dưỡng nuôi cháu H1 cùng chị O 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng kể từ tháng 3/2024 đến khi cháu H1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4/ Về án phí: Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung, tổng cộng chị O phải chịu 600.000 đồng án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai ký hiệu: BLTU/23 số: 0001866 ngày 04/01/2024.

Chị O còn phải nộp 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

5/ Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị O và anh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã K, huyện Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trung